TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 638/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-5-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thạch Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;

2. Bà Phan Thị Xuân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Không có.

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1289/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 152/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2024/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lương Thị Hồng A, sinh năm 1994;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D Đường số E, ấp B, xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Thanh E, sinh năm 1990;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số I Tỉnh lộ 15, Tổ E, ấp C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 28/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lương Thị Hồng A trình bày:

Bà và ông Lê Thanh E tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau năm 2019 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau này thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt làm cho cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, không còn hạnh phúc và hai bên không thể hàn gắn. Bà và ông E không còn sống chung từ tháng 12/2022. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông E nên nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E.

Về con chung: Bà Hồng A xác định không có.

Về tài sản chung: Bà Hồng A xác định không có.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Hồng A xác định không có.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho ông Lê Thanh E thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông E đều vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn là bà Lương Thị Hồng A giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh E; về con chung: Bà Hồng A xác định không có; tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 28/9/2023, bà Lương Thị Hồng A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh E; con chung: Không có; tài sản chung, nghĩa vụ dân sự chung: Không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn là ông Lê Thanh E có nơi cư trú tại Số I Tỉnh lộ 15, Tổ E, ấp C, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng:

Bị đơn là ông Lê Thanh E đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên tòa vắng mặt ông E theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lương Thị Hồng A và ông Lê Thanh E tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/9/2019. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà Hồng A, bà và ông E tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau năm 2019. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng này thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt làm cho cuộc sống vợ chồng rơi vào bế tắc, không còn hạnh phúc và hai bên không thể hàn gắn. Bà và ông E không còn sống chung từ tháng 12/2022. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông E nên nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông E.

Xét ông E không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, tài liệu, chứng cứ cho thấy ông E không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với

bà Hồng A. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ do bà Hồng A cung cấp để giải quyết vụ án. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà Hồng A và ông E đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lương Thị Hồng A được ly hôn với ông Lê Thanh E là có cơ sở.

[4] Về con chung: Bà Hồng A xác định không có.

[5] Về tài sản chung: Bà Hồng A xác định không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà Hồng A xác định không có.

Ông Lê Thanh E vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, nếu ông E có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ dân sự chung sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Lương Thị Hồng A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là bà Lương Thị Hồng A về việc cho ly hôn giữa bà Lương Thị Hồng A và ông Lê Thanh E.

Kể từ ngày Bản án phát sinh hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số 73 do Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18/9/2019 cho bà Lương Thị Hồng A và ông Lê Thanh E không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Về án phí sơ thẩm:

Bà Lương Thị Hồng A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm

nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số AA/2023/0018577 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thạch Vũ